

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q; sinh năm: 1979; Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã L, tỉnh P.

- Bị đơn: Ông Phạm Hùng K; sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện R, tỉnh P.

(Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Hùng K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Hùng K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú

Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2021, quyển số 01/2001, đăng ký vào ngày 05/9/2001. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt gia đình, không có sự hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng không còn sự thương yêu, quan tâm và chăm sóc cho nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa được nên hai ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; kinh tế hoàn toàn độc lập. Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài nên bà Q yêu cầu được ly hôn với chồng bà là ông Phạm Hùng K.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc N, sinh ngày: 01/08/2001. Hiện nay cháu N đã trên 18 tuổi, có đầy đủ sức khỏe và khả năng lao động, có thể tự nuôi sống bản thân nên khi ly hôn về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Hùng K:

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn ông Phạm Hùng K. Theo đó căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2022, các giấy triệu tập đương sự làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các giấy triệu tập để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải nhưng bị đơn ông Phạm Hùng K vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Lời khai của chị Phạm Ngọc N là con chung của bà Q ông K trình bày:

Chị Phạm Nhọc N, sinh ngày: 01/8/2021 là con chung của ông Phạm Hùng K và bà Nguyễn Thị Q, hiện nay bố mẹ chị N giải quyết ly hôn, về quan hệ hôn

nhân của bố mẹ, chị N không có ý kiến gì. Về nuôi dưỡng, cấp dưỡng, chị N hiện đã thành niên, đủ khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu bố mẹ phải nuôi dưỡng hay cấp dưỡng; về tài sản gia đình tự thỏa thuận, chị N không tranh chấp hay yêu cầu phần công sức đóng góp gì với bố mẹ về tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó chị N có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hùng K. Theo lời khai của bà Q và nội dung xác minh tại địa phương thì có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông K có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q. Con chung là Phạm Ngọc N, sinh ngày: 01/08/2001, hiện đã trên 18 tuổi, các đương sự và cháu N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết. Về nợ: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Phạm Hùng K có đăng ký hộ khẩu thường trú, cư trú tại địa chỉ: Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Căn cứ các Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng,

tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông K đã được Tòa án gửi tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Q, bị đơn ông Kiệt.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Hùng K là hôn nhân hợp pháp, đủ các điều kiện về kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2021, quyển số 01/2001, đăng ký vào ngày 05/9/2001.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Q, theo lời khai bà Q, sau khi vợ chồng kết hôn, bà Q và ông K chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống cũng như trong cuộc sống sinh hoạt gia đình, không có sự hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn không thể dung hòa được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc cho nhau, kinh tế độc lập. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà Q các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để bà Q đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, đến nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với ông K và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự theo cung cấp của Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn và đại diện chính quyền địa phương đều xác định: Trong thời gian chung sống, giữa bà Q ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên hiện hai vợ chồng sống ly thân, bà Q chuyển về nhà mẹ ruột tại địa chỉ: Khu phố 3, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước để sinh sống. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Q và ông K đã đến mức trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, bà Q được ly hôn với ông Phạm Hùng K.

[2.2] Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà Q ông K có 01 con chung Phạm Ngọc N, sinh ngày: 01/08/2001. Hiện nay cháu N đã trên 18 tuổi, có đầy đủ sức khỏe và khả năng lao động, có thể tự nuôi sống bản thân nên khi ly hôn về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, chị N không yêu cầu bố mẹ là bà Q và ông K phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Phạm Hùng K. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q với ông Phạm Hùng K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con, cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015717, ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng